

Số: 100 /NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 06 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH**  
**KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022 với các nội dung như sau:

**A. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022**

1. Danh mục dự án bố trí năm 2022 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua và đáp ứng điều kiện bố trí vốn theo quy định Luật Đầu tư công.

2. Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).



3. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ trên, mới bố vốn cho các dự án khởi công mới có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

**B. Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện**

**I. Nguồn vốn được phân bổ: 446 tỷ 815 triệu đồng, trong đó:**

1. Vốn tỉnh phân cấp: 34.020 triệu đồng
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200.900 triệu đồng
3. Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học và các chương trình mục tiêu: 126.395 triệu đồng
4. Vốn kết dư: 2.000 triệu đồng
5. Vốn khác: 83.500 triệu đồng

**II. Phương án phân bổ: 446 tỷ 815 triệu đồng.**

1. Vốn huyện quản lý: 286.409 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 102.429 triệu đồng
- Công trình khởi công mới: 180.180 triệu đồng
- Công trình chuẩn bị đầu tư: 3.800 triệu đồng

2. Vốn trợ cấp cân đối cho ngân sách xã, thị trấn: 160.406 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 11.311 triệu đồng
- Công trình khởi công mới: 146.195 triệu đồng
- Công trình chuẩn bị đầu tư: 2.900 triệu đồng

*(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)*

**C. Kế hoạch vốn điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022**

**I. Nguồn vốn được phân bổ: 492 tỷ 623 triệu đồng, tăng 45.808 triệu đồng so với Nghị quyết số 81, bao gồm:**

1. Vốn tỉnh phân cấp: 34.020 triệu đồng
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200.900 triệu đồng
3. Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học và các chương trình mục tiêu: 172.203 triệu đồng (tăng 45.808 triệu đồng so với Nghị quyết số 81, để thanh toán khối lượng cho dự án tại các xã đã về đích nông thôn mới năm 2021 và 2022 và 2023 nhưng còn thiếu vốn, gồm các danh mục sau: *có danh mục dự án chi tiết kèm theo*).

4. Vốn kết dư: 2.000 triệu đồng
5. Vốn khác: 83.500 triệu đồng

## II. Phương án phân bổ: 492 tỷ 623 triệu đồng

Trong đó:

1. Vốn huyện quản lý: 285.809 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 102.429 triệu đồng
- Công trình khởi công mới: 180.180 triệu đồng
- Công trình chuẩn bị đầu tư: 3.200 triệu đồng

2. Vốn trợ cấp cân đối cho ngân sách xã, thị trấn: 206.814 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp: 11.311 triệu đồng
- Công trình khởi công mới: 192.003 triệu đồng
- Công trình chuẩn bị đầu tư: 3.500 triệu đồng

*(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)*

Những nội dung không được điều chỉnh tại Nghị quyết này, vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND huyện Lộc Ninh về Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022.

### Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 05 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các ban, Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- LĐVP HĐND - UBND huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

*Trần Thanh Hùng*



TT	Mức đầu tư	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán hết năm 2021	Kế hoạch theo Nghị quyết số 81										Chức năng	Chịu đầu tư			
					Trong đó					Kế hoạch điều chỉnh năm 2022									
					Tổng cộng	Vốn phân cấp	Thu tiền sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ	Nguồn kết dư XDCB	Vốn khác	Tặng	Giảm	Tổng cộng	Vốn phân cấp			Thu tiền sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ	Nguồn kết dư XDCB
<b>TỔNG CỘNG</b>																			
A			1.655.003	251.734	446.815	34.020	200.900	126.395	2.000	83.500	66.458	20.650	492.623	34.020	200.900	126.395	2.000	83.500	Ban QLDA DTXD huyện
<b>VÒNG BIÊN QUẢN LÝ</b>																			
<b>CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>																			
1			339.526	192.511	286.409	15.659	185.250	55.000	2.000	58.500	20.100	20.650	285.859	15.659	154.706	55.000	2.000	58.500	Ban QLDA DTXD huyện
<b>CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>																			
L1			8.500	4.500	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	3.000	3.000	86.770	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>																			
2			245.033	169.011	60.900	10.159	50.741	-	-	-	-	-	60.900	10.159	50.741	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.1			60.000	21.686	32.000	-	32.000	-	-	-	-	-	32.000	-	32.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.2			55.000	48.315	6.000	-	6.000	-	-	-	-	-	6.000	-	6.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.3			4.324	1.200	2.800	2.300	500	-	-	-	-	-	2.800	2.300	500	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.4			6.970	5.000	1.500	1.000	500	-	-	-	-	-	1.500	1.000	500	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.5			14.919	13.000	1.500	1.500	2.661	-	-	-	-	-	5.300	2.639	2.661	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.6			13.894	8.000	5.300	2.639	2.661	-	-	-	-	-	5.300	2.639	2.661	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.7			9.668	9.000	200	200	-	-	-	-	-	-	200	200	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.8			11.465	10.500	500	500	-	-	-	-	-	-	500	500	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.9			10.486	5.210	4.700	1.120	3.580	-	-	-	-	-	4.700	1.120	3.580	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.10			10.158	4.000	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.11			8.649	7.100	900	900	-	-	-	-	-	-	900	900	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
2.12			39.500	36.000	500	500	-	-	-	-	-	-	500	500	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
<b>BỒI THƯỜNG GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG</b>																			
3			45.000	20.000	20.000	-	20.000	-	-	-	-	-	20.000	-	20.000	-	-	-	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện
<b>CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>																			
4			40.993	19.000	18.529	2.500	16.029	-	-	-	-	-	18.529	2.500	16.029	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
4.1			7.000	3.500	2.500	500	2.000	-	-	-	-	-	2.500	500	2.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
4.2			12.593	6.000	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
4.3			14.900	5.500	8.700	8.700	-	-	-	-	-	-	8.700	8.700	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
4.4			6.500	4.000	2.329	2.000	329	-	-	-	-	-	2.329	2.000	329	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>																			
II			316.818	-	180.180	-	64.680	55.000	2.000	58.500	20.000	20.000	180.180	-	64.680	55.000	2.000	58.500	Ban QLDA DTXD huyện
<b>CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>																			
1			11.600	-	4.500	-	4.500	-	-	-	-	-	4.500	-	4.500	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
1.1			1.600	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
1.2			10.000	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
1.3			5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện
<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>																			
2			105.000	-	66.500	-	6.500	20.000	-	40.000	-	-	66.500	-	6.500	20.000	-	40.000	Ban QLDA DTXD huyện (vốn)
2.1			22.000	-	20.000	-	20.000	-	-	-	-	-	20.000	-	20.000	-	-	-	Ban QLDA DTXD huyện (vốn)





2.3	Xây dựng kế đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ UBND xã Lộc Quang	QĐ số 74 12/3/2021	4.990	3.000	1.990	1.990														UBND xã Lộc Quang
2.4	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 1, 4 ấp Cầu Lê xã Lộc Khánh (giai đoạn 2)	QĐ số 25 01/02/2021	4.500	4.485	15	15														UBND xã Lộc Khánh
2.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngăn hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điện (đoạn từ ngã ba Ngăn hàng đi cây xăng Thiên Phú)	QĐ số 20 29/01/2021	2.958	2.700	258	258														UBND xã Lộc Thái
2.6	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiện	QĐ số 58 07/4/2021	2.959	2.000	800	800														UBND xã Lộc Thiện
2.7	Đường từ Cầu ông Kỳ đi công sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh	QĐ số 79 31/3/2021	4.895	2.395	2.500	2.500														UBND thị trấn LN
2.8	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điện	QĐ số 48 26/02/2021	3.802	3.530	272	272														UBND xã Lộc Điện
2.9	Đường ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	QĐ số 46A 09/02/2021	5.007	2.500	2.507	2.507														UBND xã Lộc Quang
3	<b>CÔNG TRÌNH ĐIỆN</b>		15.090	14.542	548	548														
3.1	Điện tổ 1,2,3,5,7 ấp Dồi Bà, Lộc Khánh	QĐ số 66 04/3/2021	5.699	5.742	157	157														UBND xã Lộc Khánh
3.2	Điện tổ 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	QĐ số 61 02/3/2021	5.691	5.500	191	191														UBND xã Lộc Quang
3.3	Điện ấp Hiệp Tân, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	QĐ số 166 16/4/2021	3.500	3.300	200	200														UBND xã Lộc Hiệp
II	<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>		171.921	-	146.195	8.000	41.800	71.395	-	25.000	45.808	-	192.003	8.000	-	41.800	117.203	-	25.000	
I	<b>CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	....																			
2	<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>		39.451	-	35.100	8.000	27.100	-	-	-	-	-	35.100	8.000	27.100	-	-	-	-	
2.1	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		30.000		30.000	8.000	22.000					30.000	8.000	22.000						Giao UBND huyện phân bổ chi tiết cho UBND xã
2.2	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp	QĐ số 62 23/02/2022	1.699		1.000		1.000					1.000		1.000						UBND xã Lộc Hiệp
2.3	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An		5.400		2.000		2.000					2.000		2.000						UBND xã Lộc An
2.4	Xây dựng công bản ấp Thanh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tân		963		900		900					900		900						UBND xã Lộc Tân
2.5	Xây dựng công thoát nước tổ 2, ấp Thanh Tân, xã Lộc Thành		493		400		400					400		400						UBND xã Lộc Thành
2.6	Xây dựng mới công suất đá tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	QĐ số 651 06/7/2022	896		800		800					800		800						UBND xã Lộc Phú
3	<b>CÔNG TRÌNH THỦY LỢI</b>		6.156	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	UBND xã Lộc An
3.1	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	QĐ số 436 23/8/2021	2.358		1.000		1.000					1.000		1.000						UBND xã Lộc An
3.2	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	QĐ số 68 28/3/2022	3.898		2.000		2.000					2.000		2.000						UBND xã Lộc Khánh
4	<b>CÔNG TRÌNH ĐIỆN</b>		11.984	-	8.650	-	8.650	-	-	-	-	8.650	-	8.650	-	-	-	-	-	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết cho UBND xã Lộc Hòa
4.1	Điện thấp nông thôn		5.000		5.000		5.000					5.000		5.000						UBND xã Lộc Hòa
4.2	Điện ấp 7, xã Lộc Hòa	QĐ số 393 09/8/2021	2.700		1.650		1.650					1.650		1.650						UBND xã Lộc Hòa
4.3	Điện ấp 8C, xã Lộc Hòa	QĐ số 394 09/8/2021	4.284		2.000		2.000					2.000		2.000						UBND xã Lộc Hòa
5	<b>DỰ ÁN CHINH TRẠNG HẠ TẦNG ĐẤT ĐÓ THỊ LOẠI IV</b>		42.935	-	28.050	-	3.050	-	-	25.000	-	28.050	-	3.050	-	-	-	-	-	UBND TT Lộc Ninh
5.1	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường Dô khu phố Ninh Thành, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 278 19/8/2021	6.996		5.100		5.100					5.100		5.100						UBND TT Lộc Ninh
5.2	Nâng cấp đường Lã Lợi, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 713 22/12/2021	6.902		5.000		5.000					5.000		5.000						UBND TT Lộc Ninh
5.3	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 61 17/02/2022	6.972		5.200		5.200					5.200		5.200						UBND TT Lộc Ninh
5.4	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Heo, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 45 27/01/2022	6.000		5.000		5.000					5.000		5.000						UBND TT Lộc Ninh
5.5	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 73 24/02/2022	1.200		835		835					835		835						UBND TT Lộc Ninh

5.6	Nâng cấp đường nội bộ chợ Lộc Ninh	QĐ số 129 25/3/2022	2.865	2.865																
5.7	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, Khu phố Ninh Thành, thị trấn Lộc Ninh	QĐ số 70 23/02/2022	1.500	1.000	1.000															
5.8	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)		10.500	3.050	3.050															
6	VỐN CHUỖNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		39.000	39.000	39.000															
7	VỐN CHUỖNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG		26.050	26.050	26.050															
8	CHUỖNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ NGHÈO BDDTTS		6.345	6.345	6.345															
<b>III CÔNG TRÌNH CHUYỂN BỊ ĐẦU TƯ</b>																				
<b>I CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>																				
1.1	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8,9 xã Lộc Hưng	QĐ số 770 27/8/2021	1.959	100	100															
1.2	XD nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp	QĐ số 860A 27/8/2021	3.500	100	100															
1.3	Xây dựng kê chắn đất nhà văn hoá ấp K54, xã Lộc Thiện	QĐ số 340 30/8/2021	447	100	100															
2	<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>		128.027	2.100	2.100															
2.1	Đường GTNT ấp Lộc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành		4.260	50	50															
2.2	Xây dựng nương thoát nước lộ 2,5 ấp 10 xã Lộc Thiện		1.183	50	50															
2.3	Đường lộ 1 ấp Măng Cai và đường lộ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	QĐ số 106 28/5/2021	4.593	100	100															
2.4	Đường lộ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	QĐ số 218 13/6/2021	6.495	100	100															
2.5	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, thị trấn Lộc Ninh		1.209	50	50															
2.6	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lộc Diên		2.600	50	50															
2.7	Xây dựng nương thoát nước lộ 1,5 ấp 3, xã Lộc Diên		992	50	50															
2.8	Đường ấp 9 đi THHC xã Lộc Diên		4.998	100	100															
2.9	Đường GTNT lộ 2 ấp 9 xã Lộc Diên		7.000	100	100															
2.10	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hoá ấp Bàu Núi B, xã Lộc Tân		6.995	100	100															
2.11	Xây dựng nương và cầu bắc trên tuyến đường lộ 1 ấp 3 xã Lộc An	QĐ số 445 26/8/2021	1.924	100	100															
2.12	Đường từ nhà sản xuất văn hoá ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	QĐ số 382C 23/7/2021	4.298	100	100															
2.13	Nâng cấp hệ thống nương thoát nước ấp 6, xã Lộc An	QĐ số 444 26/8/2021	1.445	50	50															
2.14	Nâng cấp hệ thống nương thoát nước ấp 54, xã Lộc An (giai đoạn 2)	QĐ số 381 23/7/2021	2.250	100	100															
2.15	Đường lộ 11 đi lộ 13 ấp 8, xã Lộc Diên		4.839	100	100															
2.16	Xây dựng nương kê tuyến đường tại lộ 8 ấp 2, lộ 4,6 ấp 3 và lộ 5 ấp 4, xã Lộc Diên	QĐ số 921 16/8/2021	1.790	50	50															
2.17	XD đường GTNT lộ 1,2 ấp 4, xã Lộc Diên	QĐ số 936 23/8/2021	1.938	50	50															
2.18	Xây dựng nương thoát nước ấp Sóc Lớn xã Lộc Khánh		2.000	50	50															



2.19	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	QĐ số 333A/07/7/2021	1.462		50		50													UBND xã Lộc Thành
2.20	Xây dựng hệ thống mương trên các tuyến đường khu dân cư trung tâm ấp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành	QĐ số 592/10/8/2021	5.243		50		50													UBND xã Lộc Thành
2.21	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lộc Thiện	QĐ số 57/07/4/2021	1.344		50		50													UBND xã Lộc Thiện
2.22	Đường liên ấp Thăng Lớn - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	QĐ số 89/21/5/2021	6.963		50		50													UBND xã Lộc Phú
2.23	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	QĐ số 209/15/6/2021	4.446		50		50													UBND xã Lộc Hoà
2.24	Xây dựng mương kê tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bửu Tâm xã Lộc Quang	QĐ số 818/16/8/2021	2.959		50		50													UBND xã Lộc Quang
2.25	Mương đá học trên các tuyến đường ấp Bồn Xang, xã Lộc Quang	QĐ số 804/10/8/2021	1.809		50		50													UBND xã Lộc Quang
2.26	Xây dựng mương thoát nước công chào ấp 3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc Thuận	QĐ số 174/27/8/2021	1.919		50		50													UBND xã Lộc Thuận
2.27	Xây dựng mương thoát nước Chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2 xã Lộc Thuận	QĐ số 163/18/8/2021	3.200		50		50													UBND xã Lộc Thuận
2.28	Xây dựng hệ thống mương thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận	QĐ số 164/19/8/2021	3.300		50		50													UBND xã Lộc Thuận
2.29	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng		4.999		50		50													UBND xã Lộc Hưng
2.30	Xây dựng công bản ấp Thanh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tân		800		-		-													UBND xã Lộc Tân
2.31	Xây dựng công thoát nước tổ 2, ấp Thanh Tân, xã Lộc Thành		600		-		-													UBND xã Lộc Thành
2.32	Xây dựng môi công suối đá tại ấp Suối Rung, xã Lộc Phú		900		-		-													UBND xã Lộc Phú
2.33	Mở rộng đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối đường Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)		8.500		50		50													UBND TT Lộc Ninh
2.34	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dọc Hoa Tiên) xã Lộc An		3.850		50		50													UBND xã Lộc An
2.35	Đường GTNT tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiện		4.928		50		50													UBND xã Lộc Thiện
2.36	Đường GTNT tổ 7 ấp K54, xã Lộc Thiện		6.996		50		50													UBND xã Lộc Thiện
2.37	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh		3.000																	UBND TT Lộc Ninh
3	<b>CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		<b>5.000</b>		-		-													
3.1	XD nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Tân		5.000		-		-													UBND xã Lộc Tân
3.2	XD nhà tập đa năng Trường THCS thị trấn Lộc Ninh		5.000				50													UBND TT Lộc Ninh
3.3	XD nhà tập đa năng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS, huyện Lộc Ninh		5.000				50													UBND xã Lộc Ninh
4	<b>CÔNG TRÌNH ĐIỆN</b>		<b>20.612</b>		<b>500</b>		<b>500</b>													
4.1	Điện tổ 1, 2 ấp Bù Nôm; tổ 1, 8, 11 ấp Tân Lợi; tổ 5, 9 ấp Suối Rung, xã Lộc Phú		6.250		150		150													UBND xã Lộc Phú
4.2	Điện tổ 3, 7, 9 ấp Tân Hải; tổ 2, 4, ấp Về Vàng, xã Lộc Phú		6.462		150		150													UBND xã Lộc Phú
4.3	Điện tổ 9 ấp Cầu Lẻ, xã Lộc Khánh		2.200		50		50													UBND xã Lộc Khánh
4.4	Điện tổ 5,6 ấp Cầu Lẻ, xã Lộc Khánh		3.700		50		50													UBND xã Lộc Khánh
4.5	Điện tổ 3 ấp 6, ấp 8A, ấp 8B, xã Lộc Hoà		2.000		100		100													UBND xã Lộc Hoà

**Chi chi:**

- Các công trình bố trí vốn phân cấp, giao Kho bạc nhà nước huyện giải ngân theo tiến độ dự án của ngân sách tỉnh.
- Các công trình bố trí vốn thu tiền sử dụng đất, giao Kho bạc nhà nước huyện giải ngân theo tiến độ thu tiền sử dụng đất và nguồn kết dư tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển sang năm 2022.
- Các dự án do UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư, giao UBND huyện trợ cấp ngân sách cho UBND các xã, thị trấn thực hiện.
- Các dự án do UBND các xã làm chủ đầu tư, giao phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện trợ cấp ngân sách cho UBND các xã, thị trấn thực hiện.
- Đối với các dự án giảm nhẹ hoặc vốn khởi công mới chuyển sang dự án chuẩn bị đầu tư, sẽ thực hiện khi có nguồn thu tiền sử dụng đất hoặc nguồn trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh